

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
Hứa Thị An
Lê Văn Úy



GIÁO TRÌNH
INTERNET
(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội năm 2010

Tuyên bố bản quyền

Giáo trình này sử dụng làm tài liệu giảng dạy nội bộ trong trường cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội không sử dụng và không cho phép bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào sử dụng giáo trình này với mục đích kinh doanh.

Mọi trích dẫn, sử dụng giáo trình này với mục đích khác hay ở nơi khác đều phải được sự đồng ý bằng văn bản của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội

CHƯƠNG I : TỔNG QUAN INTERNET

I. TỔNG QUAN INTERNET

1. Khái niệm Internet:

Internet được xem là “ mạng của các mạng ”, được tạo ra bằng việc kết nối các máy tính và các mạng máy tính với nhau trong một mạng chung rộng lớn mang tính toàn cầu, giao tiếp với nhau bằng các giao thức truyền thông.

Việc liên kết về mặt vật lý các mạng máy tính này được thực hiện thông qua các mạng viễn thông khác nhau như: mạng điện thoại công cộng, qua vệ tinh, các đường thuê riêng, cáp quang...

Kết nối của người sử dụng đến các mạng này có thể là một trong các kết nối trên , phụ thuộc vào khả năng kỹ thuật và tài chính.

Internet được xem là nguồn tài nguyên thông tin lớn nhất, đa dạng nhất của thế giới. Hiện nay trong Internet có rất nhiều kho dữ liệu đồ sộ luôn mở cửa phục vụ miễn phí cho mọi người. Dịch vụ này tạo điều kiện cho người sử dụng đi khắp thế giới mà vẫn có thể thông tin liên lạc trên Internet giống như đang ở nhà. Với các chức năng thông tin trên, mạng Internet đang trở thành một cơ sở hạ tầng cho xã hội và kinh tế. Như vậy mạng Internet sẽ trở thành một phần không thể thiếu với những gia đình, các cơ quan giáo dục, thông tin, nghiên cứu, thương mại như các nhà soạn báo, các trung tâm nghiên cứu khoa học, các trường đại học,...

2. Hoạt động trên Internet:

Hoạt động trên Internet rất đa dạng , ở đây chỉ liệt kê vài hoạt động tiêu biểu:

◆ Gửi/ nhận Email (thư điện tử)

- ◆ Sử dụng trang Web, truy cập tin tức
- ◆ Tìm kiếm thông tin
- ◆ Truy xuất và Download tệp tin
- ◆ Quảng cáo
- ◆ Xuất bản Web
- ◆ Đặt mua hàng
- ◆ Thực hiện các giao dịch ngân hàng
- ◆ Theo dõi bảng giá thị trường chứng khoán
- ◆ Giải trí: nghe nhạc, xem phim, tán gẫu..
- ◆ Gia nhập nhóm tin
- ◆ Du lịch ảo
- ◆ Sắp xếp cho chuyến đi(đặt mua vé, đăng ký phòng khách sạn,..)
- ◆ Hội thảo truyền hình
- ◆ Dạy/học qua mạng
- ◆ Tìm số điện thoại, địa chỉ nhà, địa chỉ Email
- ◆ Truy cập thông tin dự báo thời tiết

3. Lịch sử phát triển

- ◆ Năm 1969: Mạng ARPANET- mạng máy tính của cơ quan nghiên cứu cao cấp, Bộ Quốc Phòng Mỹ ra đời đã kết nối 4 trung tâm nghiên cứu lớn trong toàn liên bang. Mạng này nhanh chóng mở rộng thêm các nút mới và trở thành mạng quốc gia
- ◆ Năm 1970-1979: hàng loạt các phát minh công nghệ mạng ra đời như : thư điện tử(1973), giao thức TCP/IP, Telnet(đăng nhập từ xa)..

Bài giảng Internet

- ◆ Năm 1980 BQP Mỹ tách phần “quân sự” thành mạng Milnet còn phần dân sự vẫn gọi là ARPANET.
- ◆ Mạng EUNET được thành lập kết nối trực tiếp giữa Hà Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Anh
- ◆ Năm 1983: Quỹ Khoa học Quốc gia Mỹ (NSF) xây dựng mạng NSF, liên kết 60 trường đại học của toàn liên bang Mỹ và 3 đại học châu Âu thành một mạng xương sống phục vụ cho nghiên cứu khoa học. Ban hoạt động Internet ra đời
- ◆ Năm 1985: NSF gia nhập ARPANET, tốc độ truyền dẫn tăng 1.5Mb/s (thay vì 56kb/s trong ARPANET)
- ◆ Năm 1986: NSF nối với các phương tiện truyền dẫn công cộng
- ◆ Năm 1989: Mạng EUNET (châu Âu) và AUSSIBnet (Úc) gia nhập NSF. Các doanh nghiệp bắt đầu tham gia Internet.
- ◆ Năm 1990 quá trình chuyển đổi sang Internet dựa trên NSF kết thúc và tên gọi ARPANET đã hoàn thành xong nhiệm vụ. Cũng năm này phát triển ngôn ngữ HTML và WWW tạo bước phát triển nhảy vọt cho Internet sau này, đồng thời Archive: cơ chế tìm kiếm Internet cũng được xây dựng
- ◆ Năm 1991: Tổ chức Khoa học Quốc gia Mỹ cho phép giao dịch qua mạng, thương mại điện tử được thực hiện trên Internet
- ◆ Năm 1993 : trình duyệt Internet đầu tiên ra đời (Mosaic WWW). Hơn 1 triệu máy tính, 15 triệu người dùng trên 59 nước tham gia Internet
- ◆ Năm 1995 : Hơn 3,2 triệu máy tính, 42 triệu người từ 42.000 mạng máy tính khác nhau từ 84 nước trên toàn thế giới
- ◆ Năm 2000: 300 triệu người dùng

Internet tại Việt Nam

- ◆ Vào đầu thập niên 90, Giáo sư Rob Hurle của Đại học quốc gia Úc cùng với Viện công nghệ thông tin Việt Nam tiến hành thử nghiệm kết nối mạng Internet với các trường đại học ở châu Âu. Mọi chi phí kết nối đều do Úc tài trợ.
- ◆ Năm 1996, Viện công nghệ thông tin tại Hà Nội đã nối kết được khoảng 300 điểm khác nhau nhờ vào modem, mạng điện thoại. Nhà nước giao cho tổng cục Bưu điện nghiên cứu xây dựng các quy chế
- ◆ T12/1997 Internet tại Việt Nam chính thức ra mắt nhân dân. Tên miền vẫn được quản lý tại Úc. Đến năm 200, Úc chuyển giao lại quyền quản lý tên miền cho Việt Nam
- ◆ Hiện nay tại Việt Nam có 2 đầu mối chính để kết nối với Internet quốc tế đó là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Kết nối bằng 2 đường cáp quang đi Mỹ và Hồng Kông, Hai đường vệ tinh đi Úc và Mỹ
- ◆ Hiện nay Việt Nam có duy nhất công ty VDC là công ty cung cấp khả năng kết nối Internet (ASP) và có rất nhiều nhà cung cấp dịch vụ Internet(ISP) như :VNN,FPT,NETNAM, ...

4. các khái niệm và thuật ngữ sử dụng trên Internet

- ◆ Giao thức truyền thông(**Communications Protocol**): Tập hợp chuẩn mực cho phép các máy tính kết nối với nhau và trao đổi thông tin. Giao thức bắt buộc của Internet là TCP/IP
- ◆ **WWW**(World Wide Web) gọi tắt là Web: là dịch vụ phổ biến và có tốc độ phát triển nhất trên Internet. WWW được xây dựng dựa trên một kỹ thuật có tên là HyperText(siêu văn bản). Kỹ thuật này cho phép trình bày thông tin trên một trang dữ liệu đa phương tiện, có các liên kết để người sử dụng chỉ cần nhấn chuột là có thể “nhảy” đến các trang Web khác trên các máy chủ ở những mạng khác. Một trang Web có thể cùng một lúc hiển thị nhiều kiểu thông tin khác nhau như Text, hình ảnh(tĩnh hoặc động) hay

âm thanh, video,... Để đọc, xem, “nhảy”, lướt(sufering) trên Internet, người ta sử dụng một phần mềm có tên là trình duyệt Web(Web Browser).

- ◆ **HTML**(Hypertext Markup Language): Ngôn ngữ lập trình dùng để tạo trang web.HTML cho phép đọc và liên kết các kiểu dữ liệu khác nhau trên cùng một trang thông tin
- ◆ **Web page**: Một trang tài liệu được tạo ra bằng HTML, có thể xuất bản lên WWW bằng máy phục vụ Web
- ◆ **Siêu liên kết(Hyperlink)**: Chuỗi ký tự(thường được gạch dưới) hoặc hình ảnh mà khi được nhấp vào sẽ kết nối với một nơi khác hoặc một trang web khác
- ◆ **Web site**: Web được hình thành từ hàng triệu Web site. Web site là tập hợp các trang web do cá nhân hoặc công ty đăng ký hiển thị trên Web, bao giờ cũng bắt đầu bằng trang chủ(**Home Page**) liệt kê các nội dung chính và chứa siêu liên kết đến các trang còn lại trong site hoặc web site khác.
- ◆ **HTTP**(Hypertext Transfer Protocol): Giao thức cho phép các máy tính giao tiếp qua WWW, kết nối các trang web kết nối với nhau qua siêu liên kết
- ◆ **URL**(Uniform Resource Locator): Địa chỉ của Web site hoặc trang Web
- ◆ **E-Mail**(Thư điện tử) hệ hống giao tiếp toàn cầu cho phép trao đổi thông điệp và tập tin đính kèm.
- ◆ **IRC**(Internet Relay Chat): dịch vụ cho phép bạn tham gia vào những cuộc nói chuyện trực tuyến với nhiều người dùng Internet khác
- ◆ **Usenet**: Hệ thống nhóm thảo luận toàn cầu (còn được gọi là newsgroup).
- ◆ **Telnet**: Dịch vụ cho phép máy tính đăng nhập máy tính khác ở xa. Telnet thường dùng để rà soát thư viện và cơ sở dữ liệu

- ◆ **FTP**(File Transfer Protocol): Phương pháp truyền tải tệp tin từ xa từ máy tính này đến máy tính khác.
- ◆ **ICP**(Internet Content Provider): Nhà cung cấp thông tin trên Internet. Thông tin thuộc nhiều lĩnh vực như kinh tế, giáo dục, thể thao,.. được cập nhật định kỳ hoặc thường xuyên.
- ◆ **IAP**(internet Access Provider): Nhà cung cấp cổng truy cập Internet cho các mạng
- ◆ **ISP**(Internet Service Provider): Nhà cung cấp dịch vụ Internet. ISP được IAP cung cấp cổng truy nhập vào Internet , còn mình thì cấp quyền truy nhập Internet và các dịch vụ như Email, chat, Telnet, .. cho người dùng trực tiếp qua mạng điện thoại.
- ◆ **Dial-Up**: truy cập Internet bằng điện thoại thông thường
- ◆ **Firewall**: phương pháp bảo vệ máy tính trên Internet khỏi những truy cập không hợp lệ của những người không có quyền:

II. CÁCH CÀI ĐẶT KẾT NỐI INTERNET

Các thiết bị cần thiết để kết nối Internet(Dial_Up)

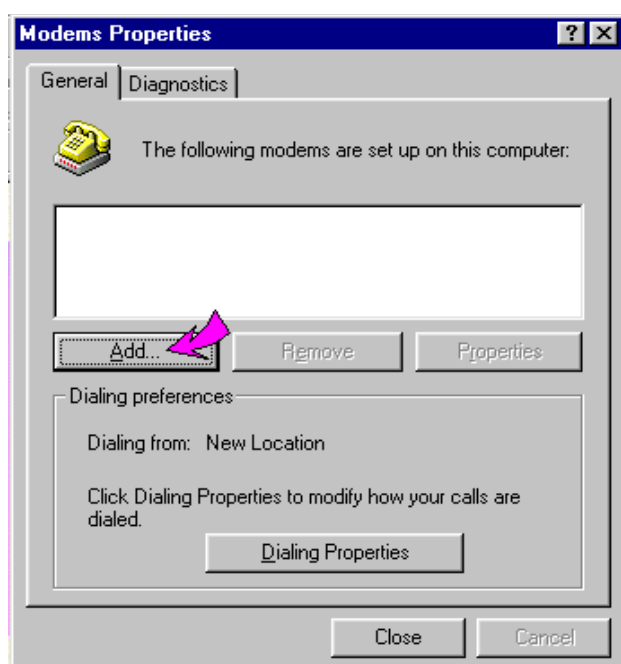
- ◆ Một máy tính
- ◆ Một Modem(56K)
- ◆ Một đường dây điện thoại
- ◆ Một Account Internet

Cách cài đặt kết nối và tạo kết nối Internet với Windows 9X

A.Cài đặt Modem

- ◆ **Bước1: chuẩn bị:** Cắm Modem vào máy tính, đường điện thoại vào Modem, đưa đĩa cài đặt modem vào ổ

◆ **Bước 2 : Cài đặt:** Khởi động máy tính.



Lưu ý :

+ Nếu trong trường hợp bạn không có đúng đĩa cài của Modem hãy chọn kiểu Standard Modem do chương trình cung cấp

+ Nếu cài từ đĩa cài đặt thì bấm Have Disk rồi chọn ổ đĩa rồi nhấn Enter

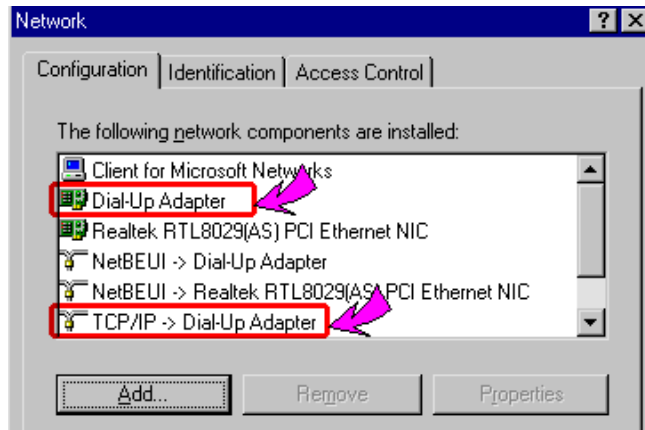
- ✿ Vào Start -->Setting --> Control Panel.
- ✿ Bấm đúp chuột biểu tượng Modem.
- ✿ Bấm Add ở cửa sổ tiếp theo.Sau đó từng bước bấm Next để thực hiện cài đặt Modem bằng Wizard

- ✿ Sau cùng nhấn Finish.Tên Modem sẽ hiển thị.
- ◆ **Bước3: Kiểm tra:** Trong lớp Diagnostics, chọn cổng COM nối với Modem. bấm chọn More Information.Nếu xuất hiện thông tin về Modem chứng tỏ Modem hoạt động tốt. Ngược lại thấy xuất hiện thông báo hay thông tin không chứa giá trị khi đó Modem đó không hoạt động được, phải đổi Modem hoặc cài lại. Sau cùng nhấn Close để đóng hộp thoại lại

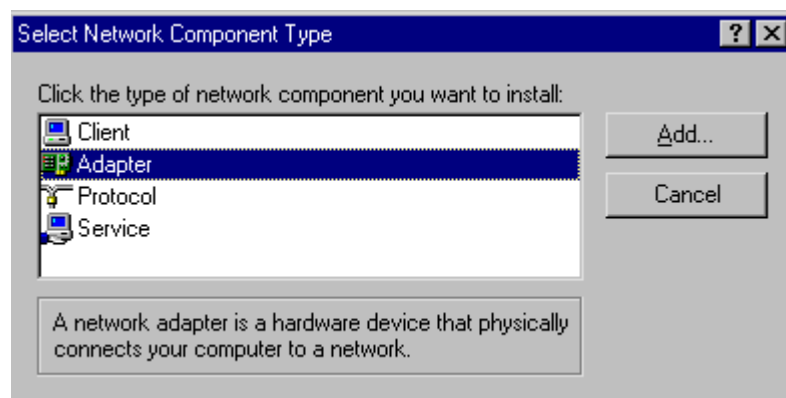
B. Cài đặt Dial-Up Adapter:

Bài giảng Internet

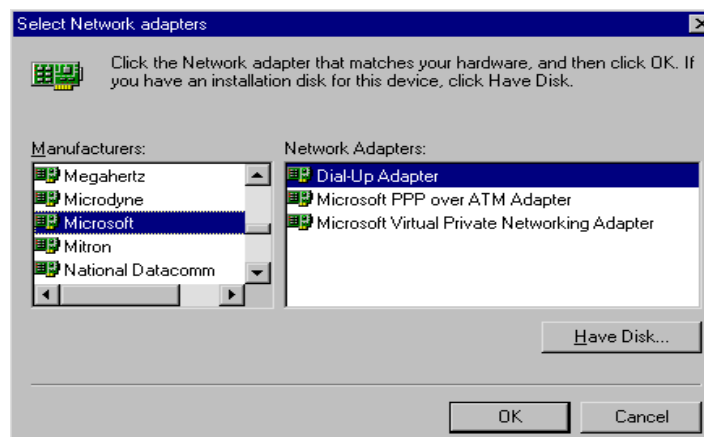
Thông thường khi cài đặt xong Modem thì phần này được tự động cài theo, trong trường hợp không có hãy làm như sau:



- ◆ Mở Control Panel, chọn Network
- ◆ Trong Network, chọn Add chọn tiếp Adapter



- ◆ Trong phần Manufacturers chọn Microsoft



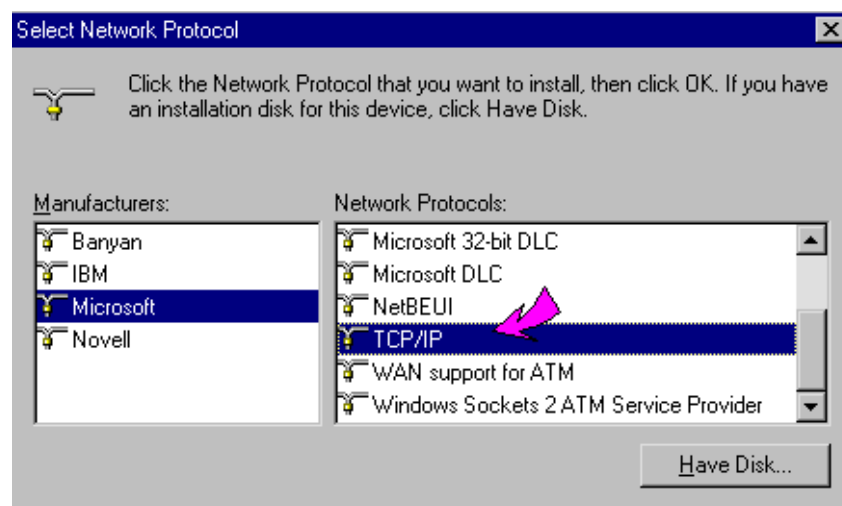
- ◆ Chọn Dial – Up Adapter trong cửa sổ bên phải
- ◆ Chọn OK

- ◆ Chỉ định đường dẫn đến ổ đĩa cài Windows

C. Cài đặt TCP/IP

Thông thường khi cài đặt xong Modem thì phần này được tự động cài theo, trong trường hợp không có hãy làm như sau:

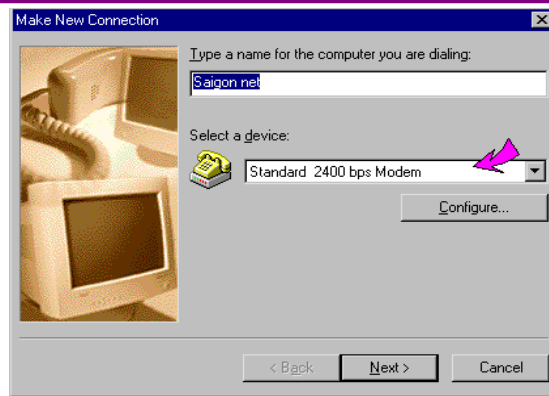
- ◆ Mở **Control Panel**, chọn **Network**
- ◆ Trong Network, chọn **Add** chọn tiếp **Protocol**
- ◆ Trong phần Manufacturers chọn Microsoft
- ◆ Chọn TCP/IP trong cửa sổ bên phải



- ◆ Chọn OK và Khởi động lại máy

D. Tạo kết nối

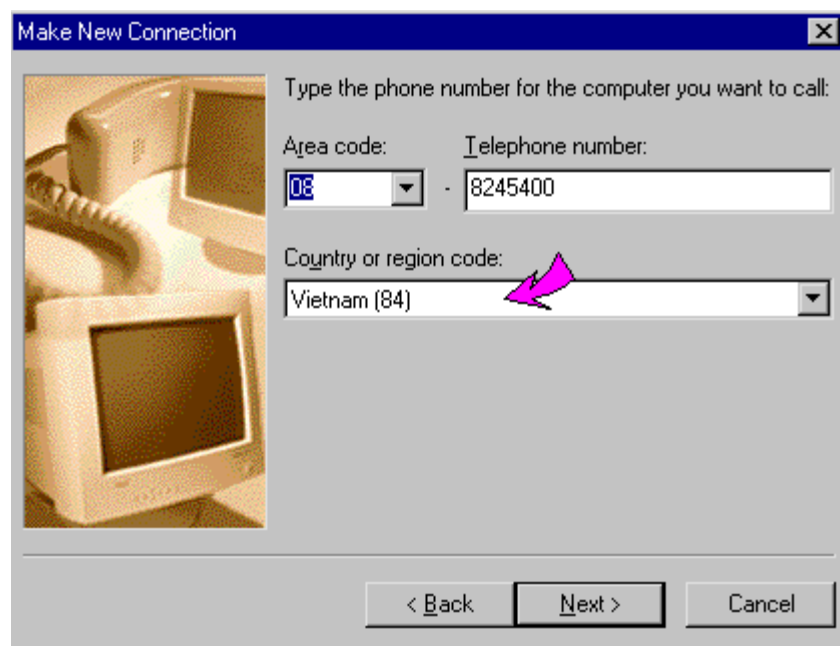
- ◆ Mở My Computer
- ◆ Mở Dial-Up Networking
- ◆ Bấm Select Make New Connection. Điền thông tin trong cửa sổ kế tiếp



✧ Tên kết nối

✧ Chọn Modem

◆ Bấm Next và điền các thông tin trong cửa sổ kế tiếp



✧ Area Code : Mã vùng kết nối (Hà nội:04)

✧ Telephone Number: Số điện thoại kết nối(FPT:1280, VNN : 1269, 1260)

✧ Count code: 84(Việt Nam)

◆ Bấm Next

- ◆ Bấm Finish
- ◆ Nhấn và giữ nút phải chuột tại biểu tượng kết nối, kéo và thả vào màn hình nền hoặc thanh công cụ trên thanh Taskbar

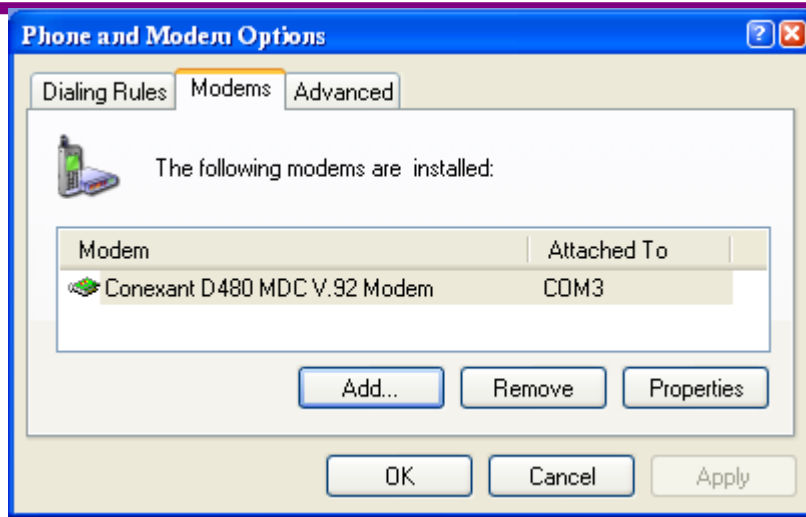
Thay đổi thuộc tính của kết nối

- ◆ Mở Dial-Up Networking
- ◆ Bấm phải chuột vào một kết nối.
- ◆ Trong nhãn General bỏ tùy chọn Use Area Code nếu bạn ở Hà Nội.
- ◆ Trong nhãn Server Type:
 - ✦ Chọn PPP, Windows95, WindowsNT, Internet trong Dial-Up server.
 - ✦ Chọn Enable software compression và bỏ các tùy chọn khác trong phần Advanced Option
 - ✦ Chọn TCP/IP và bỏ các tùy chọn khác trong Advanced Network protocol
- ◆ Bấm OK để lưu lại các thông tin

2. Cách cài đặt kết nối và tạo kết nối Internet với Windows XP, 2000

A. Cài đặt Modem

- ◆ **Bước 1: chuẩn bị:** Cắm Modem vào máy tính, đường điện thoại vào Modem, đưa đĩa cài đặt modem vào ổ
- ◆ **Bước 2 : Cài đặt:** Khởi động máy tính.
 - ✦ Vào Start-->Settings--> Control Panel.
 - ✦ Bấm đúp chuột biểu tượng Phone and Modem, chọn tiếp lớp Modem.

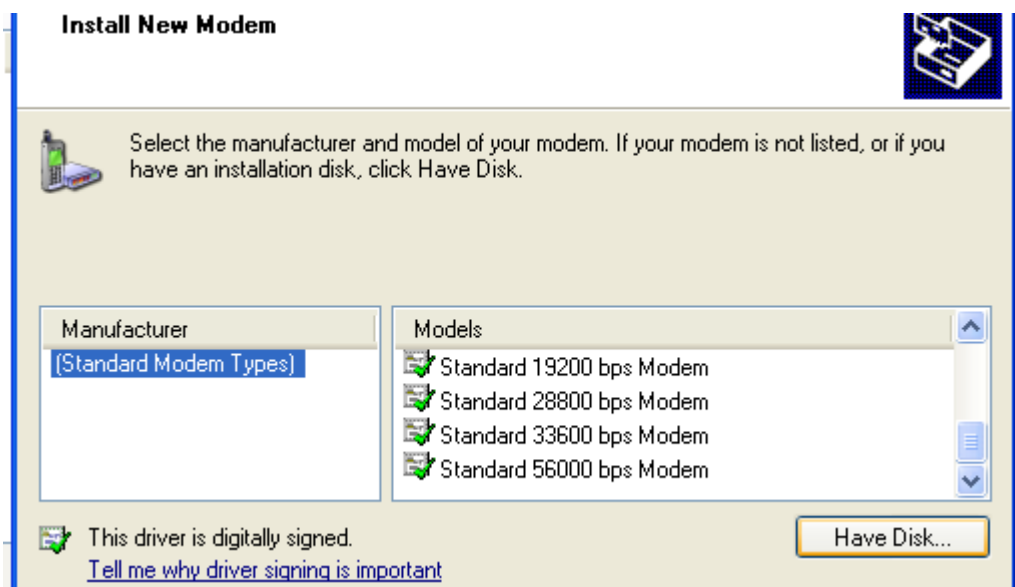


✿ Bấm Add ở cửa sổ tiếp theo. Sau đó từng bước bấm Next để thực hiện cài đặt Modem bằng Wizard

Lưu ý :

+ Nếu trong trường hợp bạn không có đúng đĩa cài của Modem hãy chọn kiểu Standard Modem do chương trình cung cấp

+ Nếu cài từ đĩa cài đặt thì bấm Have Disk rồi chọn ổ đĩa rồi nhấn Enter



✿ Sau cùng nhấn Finish. Tên Modem sẽ hiển thị

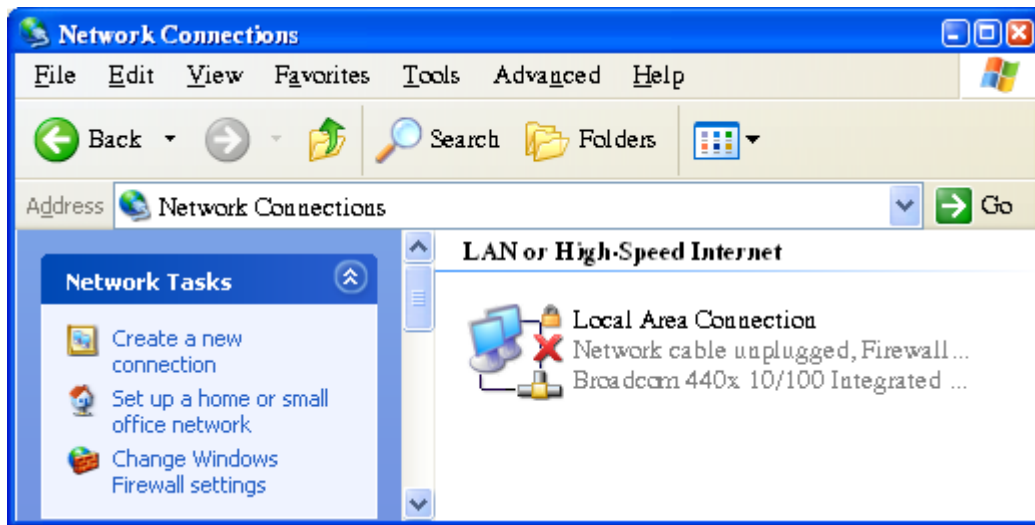
Bước 3: Kiểm tra: Trong lớp Modem, chọn Properties. Nếu xuất hiện thông tin về Modem chứng tỏ Modem hoạt động tốt. Ngược lại thấy xuất hiện

Bài giảng Internet

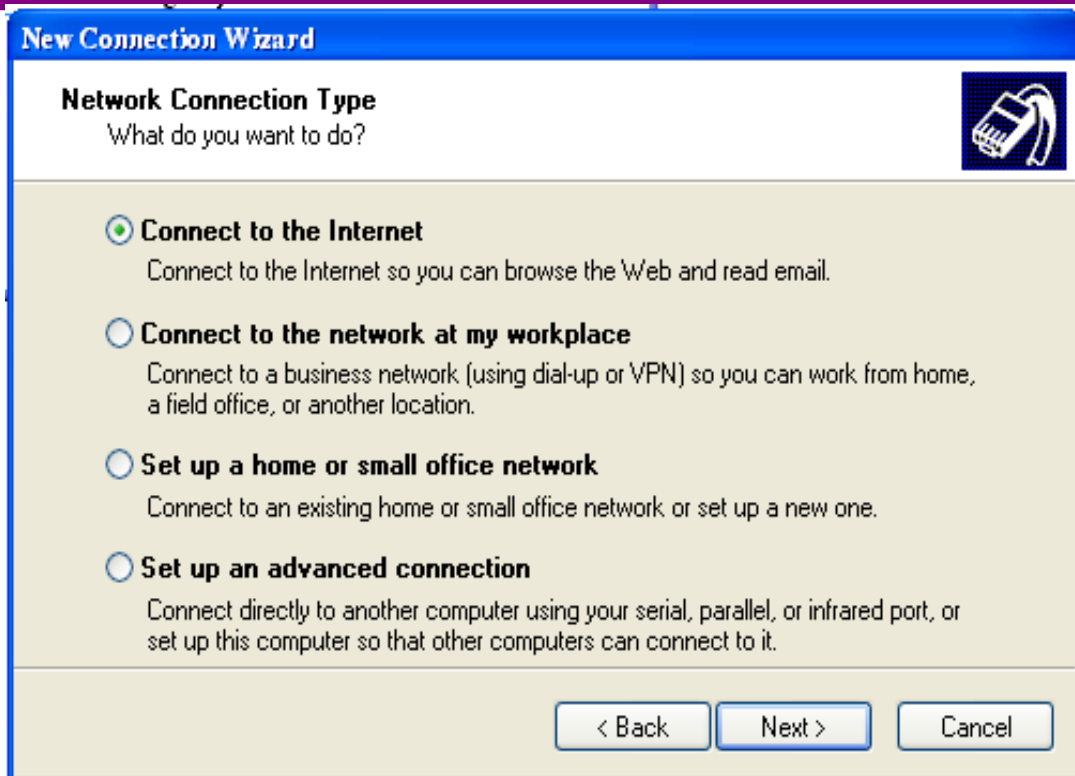
thông báo hay thông tin không chứa giá trị khi đó Modem đó không hoạt động được, phải đổi Modem hoặc cài lại. Sau cùng nhấn Close để đóng hộp thoại lại

A. Cài đặt kết nối

- ◆ Mở **Start** chọn **Settings** và chọn tiếp **Control panel**
- ◆ Trong **Control Panel**, Bấm đúp biểu tượng **Network Connection**



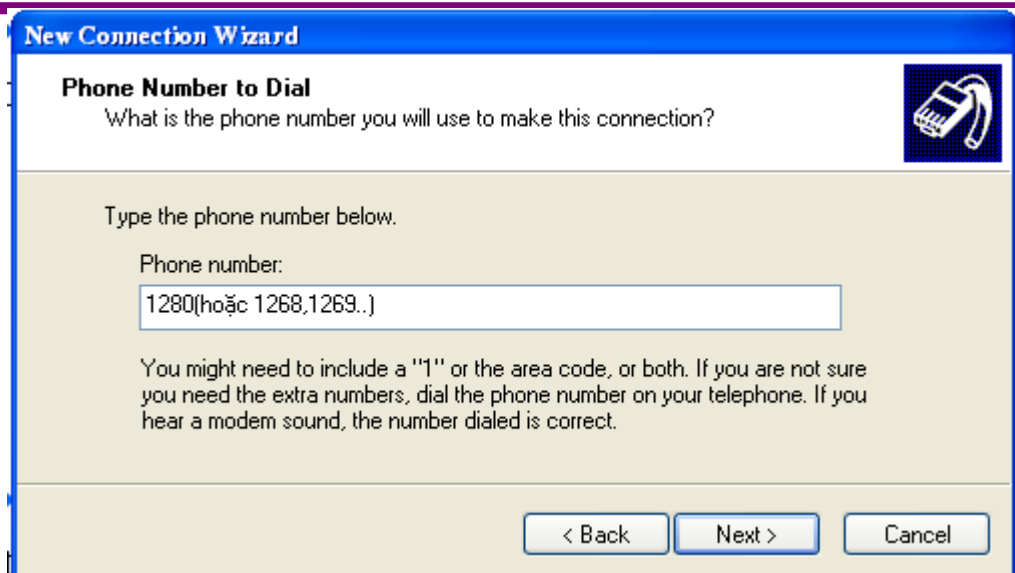
- ◆ Trong **Network Task** chọn **Create a new connection**
- ◆ Nhấn **Next** để mở cửa sổ **New connection wizard**
- ◆ Trong cửa sổ **New connection wizard** chọn **Connect to the Network at my workplace** và bấm **Next**



- ◆ Trong cửa sổ tiếp theo chọn **Dial-Up connection** và bấm Next



- ◆ Trong cửa sổ tiếp theo gõ tên biểu tượng kết nối vào **Company Name** rồi bấm Next
- ◆ Trong cửa sổ tiếp theo gõ số điện thoại của mạng kết nối đến trong mục **Telephone number** rồi bấm Next



- ◆ Trong cửa sổ kế tiếp chọn **Add a shortcut to this connection my desktop** để tạo biểu tượng kết nối trên nền màn hình và nhấn **Finish** để kết thúc

Thay đổi thuộc tính kết nối

Ta có thể chỉnh lại một số các thông số của kết nối theo ý muốn như sau:

- ◆ Kích phải vào biểu tượng của kết nối, trong StartàSettings à Network Connection
- ◆ Chọn Properties
- ◆ Trong cửa sổ tiếp theo
 - ◆ Trong lớp **Networking** chọn Chọn PPP, Windows95, WindowsNT, Internet trong khung Type Dial-Up server I am calling và kiểm tra chắc chắn có giao thức Internet Protocol(TCP/IP)
 - ◆ Trong lớp **Advanced** chọn bảo vệ thông tin bằng tường lửa trong mục **Internet Connection Friewall**



- ◆ Sau cùng kích OK để hoàn thành

III. ĐĂNG NHẬP VÀ HUỖ ĐĂNG NHẬP MẠNG INTERNET

1. Đăng nhập Internet và huỷ bỏ đăng nhập Internet với win98

Đăng nhập vào Internet

- ◆ Kích đúp chuột vào kết nối



- ✱ Gõ tên truy nhập trong **user name**: VD 1280
- ✱ Gõ mật khẩu truy nhập trong **Password**: VD 1280
- ✱ Chọn **Save Password**: lưu để lần sau không phải gõ.

- ◆ Bấm **Connect** để thực hiện kết nối. Khi kết nối thành công, biểu tượng kết nối với hai máy tính liền nhau sẽ xuất hiện ở góc phải thanh Taskbar

Huỷ đăng nhập vào Internet

- ◆ Kích phải vào biểu tượng kết nối với hai máy tính liền nhau ở góc phải thanh Taskbar
- ◆ Chọn lệnh Disconnect ở trình đơn phụ

2. Đăng nhập Internet và huỷ bỏ đăng nhập Internet với winXP, 2000

Đăng nhập vào Internet:

- ◆ Kích đúp chuột vào kết nối
- ◆ Trong cửa sổ **Connection** (hình vẽ) bạn gõ những thông tin sau:
 - ✦ Gõ tên truy nhập trong **user name**: VD 1280
 - ✦ Gõ mật khẩu truy nhập trong **Password**: VD 1280
 - ✦ Chọn **Save this user name and password for the following user**:
lưu để lần sau không phải gõ.



- ◆ Bấm **Dial** để thực hiện kết nối. Khi kết nối thành công, biểu tượng kết nối với hai máy tính liền nhau sẽ xuất hiện ở góc phải thanh Taskbar

Hủy đăng nhập vào Internet:

- ◆ Kích phải vào biểu tượng kết nối với hai máy tính liền nhau ở góc phải thanh Taskbar
- ◆ Chọn lệnh Disconnect ở trình đơn phụ



CHƯƠNG II: WEB VÀ TRÌNH DUYỆT WEB

I .WORLD WIDE WEB

WWW hay Web là một dịch vụ thông tin; một phần của Internet bao gồm nhiều máy chủ web server trên khắp thế giới. Các web server này chứa thông tin mà người dùng ở bất kỳ đâu cũng có thể truy cập. WWW dựa trên một kỹ thuật biểu diễn thông tin có tên gọi là siêu văn bản (hypertext). Nội dung thông tin không còn bị bó hẹp trong một trang văn bản mà nó còn được mở rộng bằng cách tham khảo, liên kết tới nhiều tài liệu khác (siêu văn bản, hình ảnh, âm thanh, hoạt hoạ...) chứa các thông tin bổ sung. Ngôn ngữ để xây dựng các trang siêu văn bản là HTML (ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản). Hiện nay nhờ các công nghệ mới mà WWW đã trở thành môi trường tương tác mạnh mẽ nhất.

Internet là mạng rộng phủ toàn cầu, có hàng ngàn máy chủ và hàng triệu người truy nhập tại các thiết bị máy tính của họ. Vậy làm thế nào để có thể truy nhập lẫn nhau? Rõ ràng rằng chỉ có một cách là biết địa chỉ của nhau.

Địa chỉ Web: hay còn gọi là địa chỉ URL (Universal Resource Locator) là tên thư mục trên một máy chủ, chứa một tài nguyên trên mạng Internet.

Một địa chỉ URL gồm: Phần giao thức, Phần máy chủ, phần tư liệu. Trong đó phần máy chủ gồm: tên máy chủ, tên của cơ quan hay tổ chức, loại cơ quan, tên nước

Trong đó tên các loại cơ quan được quy định như sau :

Tên	Mô tả
Com	Các tổ chức thương mại (commercial organization)
Edu	Các cơ sở giáo dục (educational institutions)
Gov	Tổ chức chính phủ liên bang (federal government)

Int	Tổ chức quốc tế (international organization)
Mil	Tổ chức quân sự (military organization)
Net	Tổ chức mạng thông tin (networking organization)
Org	Tổ chức phi thương mại (non-commercial organization)

Tên nước được quy định như sau :

Khu vực	y' nghĩa	Khu vực	y' nghĩa
Ar	Argentina	Jp	Nhật Bản
Au	Australia	Kr	Hàn Quốc
Bg	Bungari	Hl	Ha` Lan
Br	Brazil	Pl	Ba Lan
Ca	Canada	Se	Thụy Điển
Us	My~	Sg	Singapore
Cl	Chile	Th	Thái Lan
Cn	Trung Quốc	Uk	Anh
Tw	Đài loan	Ve	Venezuela
De	Đức	Vn	Việt Nam

+ Ví dụ một vài địa chỉ URL

<http://home.vnn.vn>: Địa chỉ trang chủ Web của mạng VNN

<http://www.moet.edu.vn/tuyensinh> : Trang Web thông tin tuyển sinh của bộ giáo dục đào tạo

Http:// www.manguon.com.vn : địa chỉ trang chủ web trao đổi kiến thức tin học...

II. TRÌNH DUY ỆT WEB

Bài giảng Internet


Trình duyệt Web(Web browser) là chương trình cho phép bạn xem các trang Web. Đó là phương tiện đơn giản giúp truy cập thông tin và vô số các đặc tính trên Web. Trình duyệt Web chạy cùng với kết nối Internet sẽ cung cấp những chức năng cơ bản như sau:

- ◆ Cho phép người dùng xem các trang Web và giữ lại danh sách những trang Web đã xem.
- ◆ Cho phép người dùng lưu lại những địa chỉ Web ưa thích.
- ◆ Cho phép tái truy nhập các trang Web bằng chức năng ngoại tuyến
- ◆ Cho phép truyền tệp tin từ máy này đến máy khác trong mạng thông qua FTP, trao đổi thông tin trực tiếp thông tin giữa các máy thông qua Chat, trao đổi thông điệp thông qua chương trình Email.

Ngày nay, do sự phát triển của Internet, do vậy cũng xuất hiện nhiều chương trình duyệt web khác nhau. Hai chương trình duyệt Web phổ biến nhất là Internet Explorer của hãng Microsoft và Netscape Navigator của hãng Netscape. Ở đây chúng ta tìm hiểu sơ lược về trình duyệt web Internet explorer của hãng Microsoft.

1. Sử dụng Internet Explorer để truy nhập thông tin trên Internet

a. Khởi động & thoát khỏi Internet Explorer

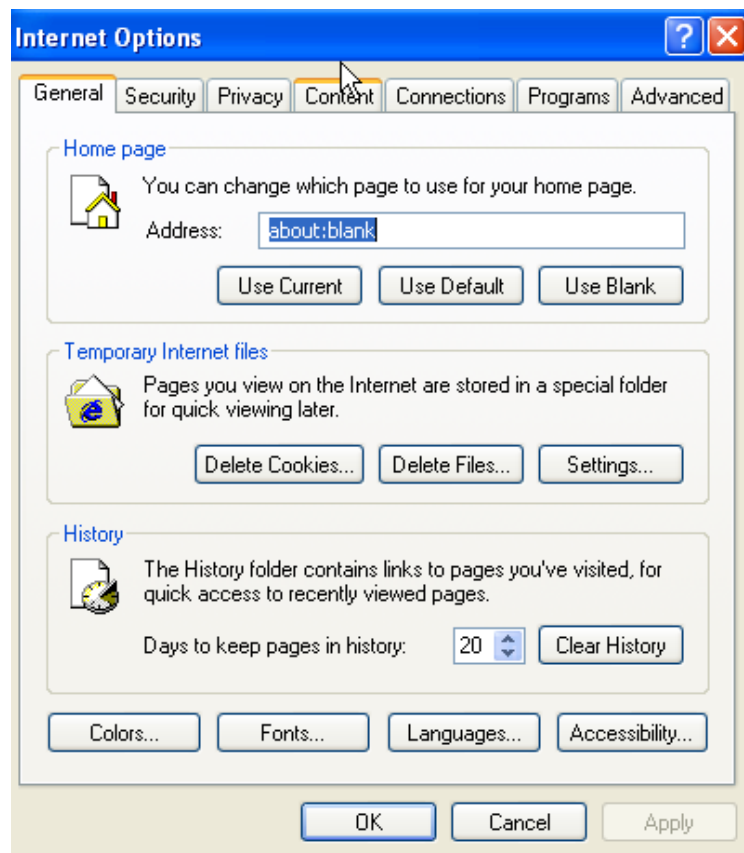
- **Khởi động:** Nhấp đúp chuột vào biểu tượng **Internet Explorer** trên màn hình nền.
- **Thoát khỏi:** Nhấn tổ hợp Alt+F4 hoặc nhấp vào biểu tượng  ở góc trên bên phải cửa sổ.

b. Các tùy chọn của Internet Explorer:

Bài giảng Internet

Mặc dù chương trình Internet Explorer có mặc định sẵn những tùy chọn thích hợp, thế nhưng người dùng có thể định lại tùy chọn theo ý mình theo các bước sau:

- Kích phải chuột tại biểu tượng Internet Explorer trên màn hình nền và chọn Properties. Hoặc khởi động Internet Explorer vào menu Tool chọn tiếp Option
- Trong hộp thoại Internet Option (hình sau), chọn bằng General



- ◆ **Mục Home page:** Mục này cho phép người dùng chỉ định trang chủ mặc định (là trang web đầu tiên xuất hiện khi người dùng khởi động Internet Explorer), nên bấm Use Blank.
- ◆ **Mục Temporary Internet File:** Mục này cho phép chỉ định việc dùng một phần đĩa cứng để lưu các tệp tin Internet tạm thời trong khi làm việc trực tuyến và ngoại tuyến. Nguyên tắc khi ta truy cập đến địa chỉ hay trang Web nào đó thì các thông tin của trang đó sẽ lưu lại trong thư

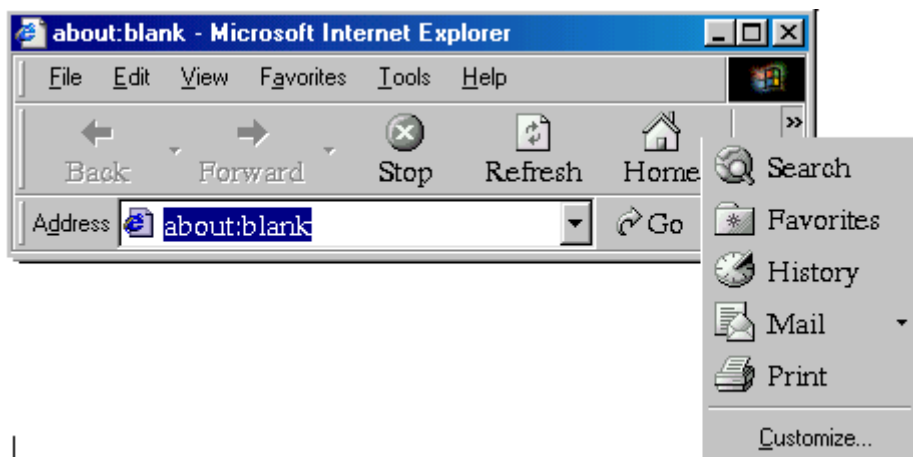
mục tạm. Ở những lần truy cập sau nội dung đó sẽ tải về nhanh hơn nếu chúng vẫn lưu lại trong máy tính.

- ▶ **Delete Files:** Xóa các file HTML trong thư mục tạm.
- ▶ **Settings:** Thay đổi thông số lưu trữ. Trong hộp thoại Settings, để thay đổi dung lượng lưu trữ chọn dung lượng cần lưu trữ trong khung Amount of disk space to use, sau cùng click OK .
- ◆ **History:** Thư mục History chứa các trang web đã được mở. Điều này giúp cho người dùng có thể xem lại những trang web đó khi làm việc ngoài tuyến. Bạn có thể thay đổi số ngày cần lưu trữ các địa chỉ Website đã tải về bằng cách thay đổi giá trị trong khung Days to keep Pages in history , hay hủy bỏ các địa chỉ đó bằng cách click Clear History.
- ◆ **Thay đổi Font hiển thị:** Nếu bạn sử dụng Internet Explorer 5. trên môi trường Win9.x thì các trang Web tiếng Việt không thể hiện được dấu, do vậy ta cần chọn lại font hiển thị cho chúng bằng cách: Click nút Fonts. Trong hộp thoại fonts chọn loại font Tiếng Việt bất kỳ như (vni-time, vntime v.v...) Sau đó click OK để chọn Font. Khi đó các trang Web tiếng Việt sẽ thể hiện đúng Font của mình miễn là trên hệ thống của bạn đã cài đặt Font đó.
- ◆ **Thay đổi màu:** Để thay đổi cho trang Web hay màu cho các Text có tạo Hyperlink (Tạo siêu liên kết),.
 - Sau cùng click OK để chấp nhận các thay đổi.

c. Thanh công cụ của trình duyệt

Bài giảng Internet

Để thao tác nhanh chóng quá trình duyệt Web, chúng ta tìm hiểu sơ lược về các chức năng của các nút trong thanh Toolbar.



- ◆ **Back:** Trở về trang Web (Website) trước đó.
- ◆ **Forward:** Tới trang Web (Website) đã duyệt trước đó.
- ◆ **Stop:** Tạm dừng tiến trình tải Web.
- ◆ **Refresh:** Tải (load) lại trang Web (Website) hiện hành.
- ◆ **Home:** Trở về Website chủ đã định dạng.
- ◆ **Search:** Mở cửa sổ cho phép người dùng tìm kiếm các Website cần thiết.
- ◆ **Favorites:** Mở cửa sổ cho chứa các trang Web ưa thích.
- ◆ **History :** Mở cửa sổ chứa đựng các trang Web đã được duyệt.
- ◆ **Mail:** Khởi động trình nhận , gửi mail(Outlook Explorer).
- ◆ **Print:** In trang Web hiện hành.

d. Thao tác truy cập Internet

Các bước truy cập thông tin trên Internet được tiến hành như sau:

- ◆ Đăng nhập vào mạng để làm việc ở chế độ trực tuyến(Online).
- ◆ Khởi động trình duyệt Internet Explorer.

- ◆ Nhập địa chỉ Website vào dòng địa chỉ Address hoặc bấm chuột vào các biểu tượng trang Web yêu thích ở trong Favorites. Khi trang Web đã hiện lên màn hình, muốn đi tiếp vào một nội dung nào đó, hãy bấm chuột vào các liên kết (con trỏ trở thành hình bàn tay).
- ◆ Huỷ đăng nhập mạng
- ◆ Đóng trình duyệt

2. Làm việc với trang Web

- ◆ **Lưu nội dung trang Web vào ổ cứng:** Mở trang Web trong trình duyệt vào trình đơn File \ Save As
- ◆ **Sao chép, cắt dán văn bản** Trong menu Edit có các lệnh Cut(cắt), Copy(sao chép), Paste(dán), Select All(chọn tất cả nội dung-không chọn được hình ảnh), ... để sao chép, cắt dán văn bản vào một tài liệu khác.
- ◆ **Lưu trữ hình ảnh:** Nhấp nút phải chuột vào hình ảnh muốn lưu và chọn Save as Picture và đặt tên file ảnh. Muốn sao chép, cắt dán hình ảnh sang một tài liệu khác ta cũng kích phải chuột vào hình ảnh và chọn copy ...
- ◆ **Gửi trang web hiện hành qua Email :** Để gửi trang web hiện hành qua đường thư điện tử ta chọn File\ Send \ Page by Email. Để gửi trang web hiện hành nối kết qua đường thư điện tử ta chọn File\ Send\ Link by Email.
- ◆ **In trang web:** Lệnh File\Print cho phép in các trang trên web hiện hành(để in tất cả các tài liệu nối kết chọn “Print all linked document”). Theo mặc định của Internet Explorer thì lệnh in trên sẽ không in ra các nền trang web. Muốn in được hình nền người dùng phải vào trình đơn Tool\Internet Option. Sau đó vào tab Advanced, dùng thanh cuộn để

đánh dấu chọn vào trong trong ô in nền “Print background colors and Image” .

- ◆ **Download file từ Internet:** Bấm con trỏ vào liên kết của File cần Download, chọn Save this program to disk
- ◆ **Lưu một địa chỉ vào Favorites:** Khi xem trang web, người dùng có thể lưu lại trang mình yêu thích trong Favorites bằng cách : chọn Menu Favotites--> Add Favotites. Sau đó đặt cho địa chỉ này một cái tên để nhớ để sau này truy cập lại. Để tổ chức lại những trang web yêu thích trong danh sách Favotites ta chọn menu Favotites--> Organize Favotites. Trong hộp thoại Organize Favotites ta có thể di chuyển(move), đổi tên(Rename), xóa(delete), mở mới thư mục(Open) trong Favotites.
- ◆ **Truy cập Web nhanh**
 - Liên kết với các trang Web vừa truy cập
Số trẻ lại trang cuối cùng chặn Back.
Trở về trang trước chặn : Forward
 - Liên kết với các trang Web riêng biệt:
Trở lại màn hình chặn: Home.
Chặn một trang Web a chúng chặn: Favorites.
Chặn một trang Web tổ danh sách các trang Web
xem gần đây: chặn History.
 - Dừng một trang Web không hoạt động: chặn Stop.
 - Kích hoạt trình Web không hiển thị chặn: Refresh

3. Làm việc ngoài tuyến

Lệnh làm việc ngoại tuyến File \ Work Offline và lệnh làm việc trực tuyến File \ Work Online là một trong những chức năng tuyệt vời của Internet Explorer. Thông thường khi kết nối Internet, Internet Explorer làm việc ở chế độ trực tuyến. Khi ngắt kết nối mạng, người dùng xem lại các trang web đã mở bằng lệnh làm việc ngoại tuyến như sau:

Khởi động trình duyệt

chọn Menu File \ Offline

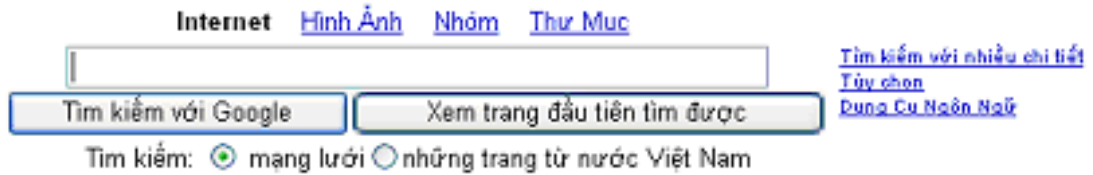
Chọn nút History để xem các trang Web đã duyệt trong tuần, thứ, ngày,...

4. Tìm kiếm thông tin trên Internet

Thật khó có thể tìm được những trang Web chứa nội dung mà ta cần tìm, trong khi ta chẳng có một chút thông tin gì về địa chỉ Website đó hay nói cách khác là chúng ta không biết được địa chỉ Website nào cung cấp thông tin đó. Do vậy để sử dụng hiệu quả trên Internet chúng ta phải biết vận dụng chúng bằng cách vào những địa chỉ Website chứa đựng thông tin mà ta quan tâm. Phương pháp tốt nhất và dễ nhất là ta hãy đi tìm chúng. Ở đây tôi cung cấp 2 địa chỉ Website thông dụng phục vụ những điều mà chúng ta mong muốn đó là địa chỉ tìm kiếm của Google và Yahoo

Sử dụng trình duyệt để tìm kiếm.

- ◆ Đăng nhập vào Internet.
- ◆ Khởi động trình duyệt Web.
- ◆ Nhập địa chỉ trang tìm kiếm trong khung Address(www.yahoo.com hoặc www.google.com.vn)
- ◆ Khi thông tin tải về, nhập nội dung cần tìm kiếm trong khung Search và gõ Enter để tìm kiếm



Chúng ta có thể tìm kiếm theo hình ảnh, nhóm hoặc thư mục bằng cách bấm tùy chọn tương ứng. Ngoài ra có thể chọn tùy chọn nâng cao bằng cách chọn *tìm kiếm với nhiều chi tiết*

◆ Khi tìm thấy chủ đề liên quan, một trang Web chứa các chủ đề liên quan sẽ được thể hiện. Lúc này bạn chỉ tìm những chủ đề cần tra khảo và click chuột để xem thông tin.

Lưu ý: Khi nhập nội dung cần tìm ta có thể nhập theo chủ đề, theo quốc gia hay nhập ký tự đại diện có liên quan đến chủ đề cần tìm.

5. Bảo vệ máy tính khi đang ở trên tuyến.

5.1. Cui và cập nhật cho mọi vùng.

- Trên menu Tools trong Internet Explorer, chọn Internet option.
- Chọn tiếp Security.
- Chọn vùng mục muốn cài cập nhật an toàn.
- Di chuyển bé trượt lên mét cập nhật an toàn cao hơn hoặc xuống mét cập nhật an toàn thấp hơn. Cả 4 vùng cập nhật an toàn:

- Số cho phép người khác xem nội dungrestricted. Nhập: General , sau đó chọn Supervisor type a password to allow users to view restricted content.
- Số cho phép người khác xem nội dung không có mức chặn hạn chế sau: Users can sites that have no rating.
- Chọn các Web Site mà người khác có thể lưu trữ hoặc không bao giờ xem.
 - Mở Internet Properties trong Control panel.
 - Đặt content Advisor nhập Enable.
 - Nếu mở Content Advisor nhập Setting rồi nhập Password.
 - Nhập những Approved Sites mà bạn cho Internet (URL) của một Website.
 - Luôn là tiên quyết cho mọi Website mà muốn cài đặt quy định truy cập.

BÀI 3: THƯ ĐIỆN TỬ

I. KHÁI NIỆM VỀ THƯ ĐIỆN TỬ

1. Khái niệm thư điện tử

Internet là một môi trường, trong đó có thể gửi các loại thư điện tử (Email). Với các địa chỉ Email có thể gửi chính xác các thông điệp cho bất cứ ai. Ngoài sự lưu thông Web, nhiều người hiểu Internet là hệ thống bưu điện điện tử vì giao lưu thư điện tử chiếm phần lớn trên Internet.

Nguyên tắc hoạt động của Thư tín điện tử như sau : Khi một thư điện tử được gửi đi, đầu tiên thư đó sẽ được gửi đến Server của nhà cung cấp dịch vụ Internet. Từ đó thư sẽ được gửi đến Internet và đến Server (máy chủ) của người nhận và sau cùng đến máy của người nhận. Như vậy khi ta nhận thì thư đó sẽ được tải từ máy chủ (server) của nhà cung cấp dịch vụ Internet mà ta đăng ký xuống máy của ta.

Hoạt động trao đổi thư điện tử cần phải tiến hành như sau :

1. Đăng ký một tài khoản Email với một ISP nào đó
2. Khởi động chương trình viết thư điện tử.
3. Chọn và đọc thư nằm trong hộp thư
4. Trả lời thư, cất thư, xóa thư
5. Gửi thư mới
6. Thoát khỏi chương trình viết thư

2. Các chương trình gửi nhận thư điện tử

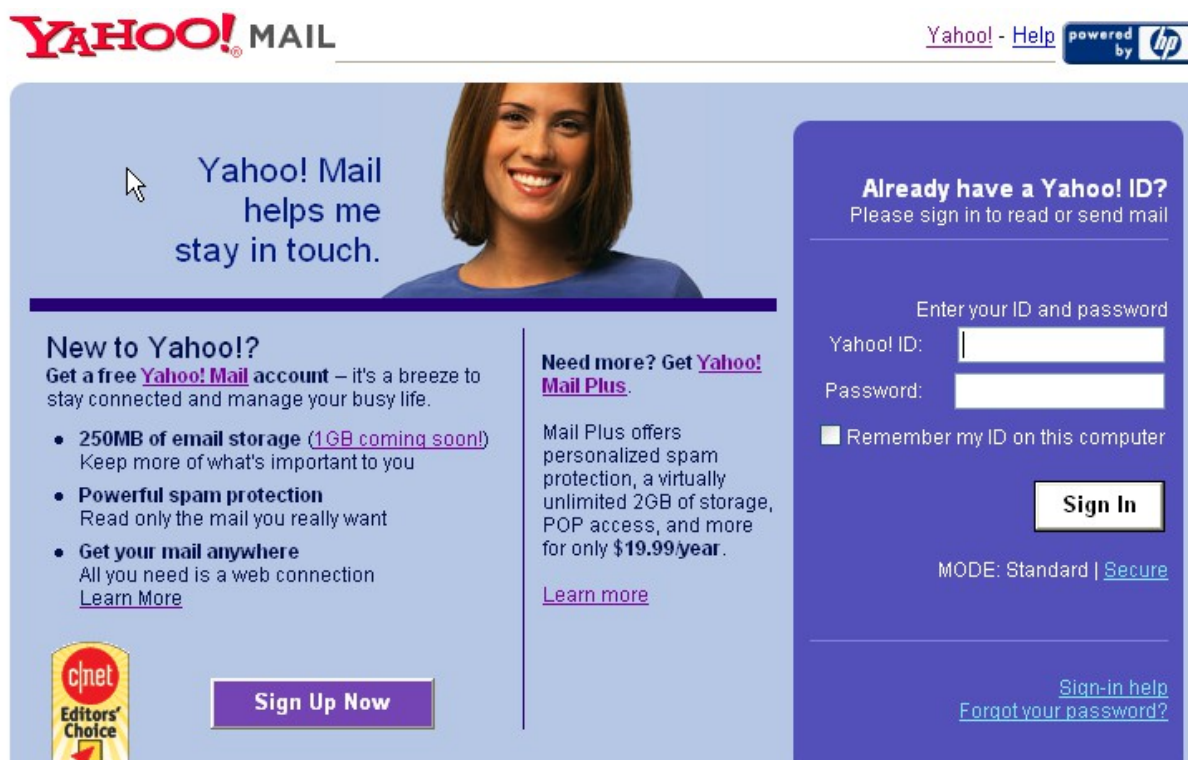
Hiện tại có rất nhiều sản phẩm phần mềm thư điện tử miễn phí và thương mại thực hiện dịch vụ E- mail. Ví dụ Outlook Express, Post Office, Lotus

Bài giảng Internet

Note,...Tuy vậy để giúp những người truy cập Internet có thể tạo ra cho mình một hộp thư mà không cần phải lệ thuộc vào một phần mềm nào (chẳng hạn như), các nhà cung cấp dịch vụ đã đưa ra loại hình gửi nhận thư của mình. Có nhiều nhà cung cấp dịch vụ khác nhau nhưng được dùng phổ biến nhất là Yahoo và Hotmail.

II. CÁCH TẠO MỘT ĐỊA CHỈ THƯ ĐIỆN TỬ VỚI YAHOO MAIL.

- ◆ Đăng nhập vào Internet
- ◆ Khởi động trình duyệt Internet Explorer
- ◆ Nhập địa chỉ Mail.yahoo.com vào dòng Address của trình duyệt
- ◆ Nhấp chuột vào dòng Sign Up Now



Hình 3.1

- ◆ Ở trang kế tiếp chọn các lựa chọn miễn phí, giao dịch cá nhân hoặc giao dịch thương mại

Free!



only \$19.99/year
less than \$2/month!

only \$35/year
less than \$3/month!

Sign Up for Yahoo! Mail

Order Yahoo! Mail Plus

Order Personal Address

- ◆ Ở trang kế tiếp, người dùng lần lượt đăng ký các mục và quan trọng nhất là các mục sau : (hình trang sau)
 - Yahoo ID: tên tài khoản, cũng là địa chỉ Email
 - Password: Mật mã đăng ký
 - Re- type Password: nhập lại mật mã đăng ký
 - Zip/Postal Code : chọn 84
 - Enter the code show: nhập chữ mà bạn thấy ở khung bên dưới
- ◆ Nhấp chuột vào Argee để đăng ký và chờ đợi. Nếu Yahoo chưa vừa ý chỗ nào thì sẽ yêu cầu bạn phải sửa lại chỗ đó
- ◆ Khi đã hoàn tất Yahoo đưa ra trang Web thông báo chào mừng. Hãy nhấn vào Continue to Yahoo Mil để vào mục thư tín

Create Your Yahoo! ID

* First name:

* Last name:

* Preferred content: Yahoo! U.S.

* Gender: [Select]

* Yahoo! ID: @yahoo.com
ID may consist of a-z, 0-9 and underscores.

* Password:
Six characters or more; capitalization matters!

* Re-type password:

If You Forget Your Password...

* Security question: [Select a Question]

* Your answer:
Four characters or more. Make sure your answer is memorable for you but hard

* Birthday: [Select a Month] dd , yyyy

* ZIP/Postal code:

Alternate Email:

* Enter the code shown: [More info](#)
This helps Yahoo! prevent automated registrations.



Chú ý: Nếu bạn muốn sử dụng giao diện tiếng việt để khai báo, gửi, nhận thư điện tử với yahoo thì ở trong mục Preferred Content bạn chọn yahoo!vietnam. Hòm thư của bạn lúc này sẽ là ten@yahoo.com.vn.

III. SỬ DỤNG YAHOO MAIL ĐỂ GỬI, NHẬN THƯ ĐIỆN TỬ

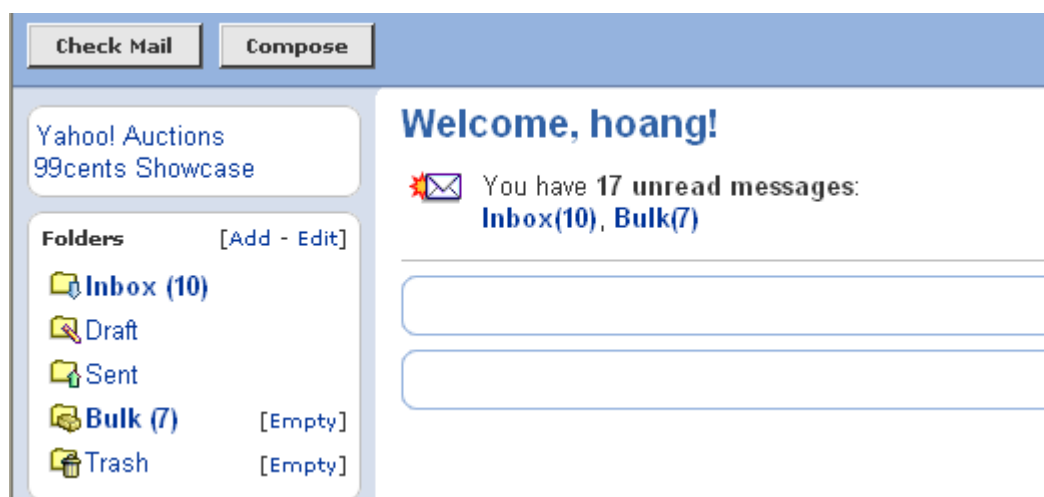
Muốn gửi, nhận thư điện tử, trước hết bạn phải có một địa chỉ thư

1. Nhận thư điện tử

- ◆ Đăng nhập vào Internet

Bài giảng Internet

- ◆ Khởi động trình duyệt Internet Explorer
- ◆ Nhập địa chỉ Mail.yahoo.com vào dòng Address của trình duyệt
- ◆ Gõ tên vào Yahoo ID và nhập Passwrod và nhấn Sign in để vào hộp thư
- ◆ Khi đó trang Mail box được tải về đồng thời thông báo số thư có trong Inbox.



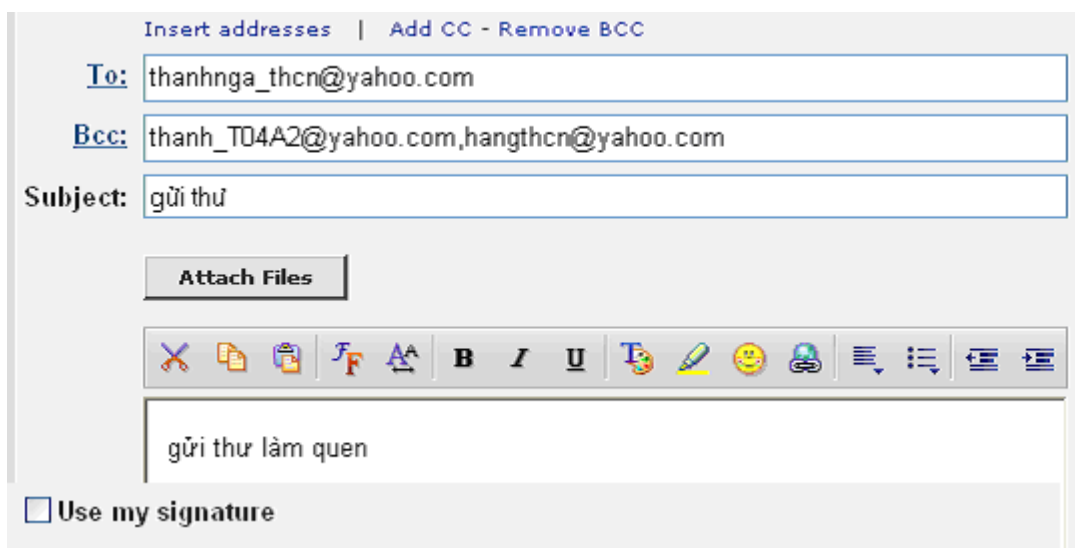
- ◆ Nhấp chuột vào dòng siêu liên kết Inbox.
- ◆ Nhấp chuột vào mục chủ đề (Subject) để đọc nội dung thư, đối với những thư có file đính kèm thì biểu tượng kẹp giấy sẽ xuất. Để chép các file này vào đĩa, click mục View Attachment. Khi đó trang chứa file đính kèm xuất hiện, click mục Down Load file. Sau khi đọc xong nội dung thư, muốn hồi đáp thì nhấp chuột vào nút Reply để trả lời.



2. Gửi thư điện tử

- ◆ Đăng nhập vào Internet
- ◆ Khởi động trình duyệt Internet Explorer
- ◆ Nhập địa chỉ Mail.yahoo.com vào dòng Address của trình duyệt
- ◆ Gõ tên vào Yahoo ID và nhập Passwrod và nhấn Sign in để vào hộp thư

- ◆ Nếu muốn soạn thư mới thì nhấp chuột vào dòng siêu liên kết **Compose(soạn thư)** để có trang soạn thư



Insert addresses | Add CC - Remove BCC

To: thanhnga_thcn@yahoo.com

Bcc: thanh_T04A2@yahoo.com, hangthcn@yahoo.com

Subject: gửi thư

Attach Files

✂ 📄 📎 📄 📄 **B** *I* U 🗣️ 🖍️ 😊 🌐 📧 📧 📧 📧

gửi thư làm quen

Use my signature

Nhập địa chỉ mail cần gửi trong khung To, tiêu đề như trong khung Subject, và nội dung thư trong khung nội dung ở dưới (có thể sử dụng các nút biểu tượng để định dạng). Muốn gửi thư cho nhiều người nhấn Add Bcc để hiện thêm khung Bcc, bạn gõ tiếp các địa chỉ thư (cách nhau dấu ;). Có thể chèn chữ ký điện tử vào thư bằng cách chọn Use my signature.

Để gửi kèm file đính kèm cho thư, click nút Attachments trong trang chọn file, click nút Browse để chọn file cần gửi kèm. Sau khi chọn file, click nút Attach to message để đưa file vào danh sách, khi đó bạn có thể chọn tiếp các file khác để gửi kèm cho thư. Sau khi chọn file. Click nút Done để file vào thư cần gửi. Sau khi tạo xong thư, Click nút Send để gửi thư.

IV. SỬ DỤNG YAHOO! MESSENGER

Sử dụng Yahoo! Messenger, bạn có thể nói chuyện với bạn bè, gửi và nhận file qua Internet, nhận bản tin cổ phiếu, thời tiết, thể thao... hoàn toàn miễn phí. Khi đã có ID và password Yahoo, bạn sẽ dễ dàng khởi động và sử dụng các tiện ích tuyệt diệu của nó.

1. Tải Yahoo! Messenger

Bước đầu tiên là tải và cài đặt chương trình Yahoo! Messenger (Các phiên bản trước đây của Yahoo! Messenger gọi là Yahoo! Pager). Nếu chỉ có một máy tính, bạn có thể cài đặt chương trình trong khi bạn online mà không cần tải và lưu file trên đĩa. Tuy nhiên, bạn có thể muốn tải và lưu để phòng trường hợp phải cài lại hoặc cài trên nhiều máy. Thực hiện những bước này để cài đặt Yahoo! Messenger:

- Kết nối Internet và vào trang chủ Yahoo!
- Nhấp Messenger trên trang chủ Yahoo! để hiển thị thông tin tải xuống.
- Trong phần Quick Download, nhấp Windows hoặc chọn một nền khác. Cách khác, bạn có thể nhấp Get It Now và sau đó chọn nền.
- Nhấp Start Download. Hộp thoại File Download xuất hiện. Nó cung cấp hai tùy chọn: Save This Program To Disk và Run This Program From Its Current Location.

Nếu bạn chọn Run This Program From Its Current Location và nhấp OK, chương trình sẽ được tải vào một folder tạm thời trên máy tính của bạn và bắt đầu cài đặt.

Nếu bạn chọn Save This Program To Disk thì hộp thoại Save As xuất hiện. Chọn folder

- Bạn muốn lưu file vào và nhấn OK. File sẽ được tải xuống với đuôi exe. Nếu bạn lưu file trên desktop, hãy nhấn vào biểu tượng của file để bắt đầu cài đặt. Nếu không, hãy tìm nơi lưu chương trình và chạy nó.

2. Cài đặt Yahoo! Messenger

- Nhấn Yes nếu một hộp thoại thông báo yêu cầu bạn có muốn cài đặt và chạy Yahoo! Messenger không. Hộp thoại thông báo Yahoo! Messenger Welcome xuất hiện.
- Nhấn Next để xem điều kiện sử dụng chương trình.
- Nhấn I Accept. Hộp thoại Select Destination Directory xuất hiện. Bạn có thể thay đổi nơi chương trình được cài đặt, nhưng Yahoo giới thiệu cho bạn sử dụng vị trí mặc định trong thư mục Program Files.
- Nhấn Next để chấp nhận vị trí mặc định đó.
- Thông báo Ready to Install xuất hiện có tùy chọn Run Automatically When I Start My Computer. Nếu bạn để tùy chọn này được chọn và bạn có tài khoản Internet dạng quay số, Yahoo! Messenger sẽ chạy khi bạn khởi động máy và tự động quay số vào Internet. Nếu bạn không muốn kết nối vào Internet tự động hãy hủy tùy chọn này. Nếu có tài khoản DSL, bạn có thể để tùy chọn này để mở Yahoo! Messenger bất kỳ lúc nào. Bạn cũng có thể thay đổi tùy chọn bằng cách sử dụng Yahoo! Messenger Preferences.
- Nhấn Next và đợi cho tới khi chương trình được cài đặt xong.
- Nhấn nút Finish. Nếu bạn không xóa hộp kiểm Show This Dialog In The Future thì hộp này xuất hiện mỗi lần bạn khởi động Yahoo! Messenger. Nhấn OK để đóng hộp này và truy cập chương trình Messenger. Nhập ID và password Yahoo! của bạn, sau đó nhấn nút

Login để đăng ký Messenger. Đánh dấu vào hộp kiểm Remember My ID & Password nếu bạn không muốn nhập lại password và ID mỗi khi bạn khởi động Yahoo! Messenger.

- Nối kết vào Internet như bạn thường thực hiện và sau đó nhấp nút Try Again. Các tùy chọn LAN/Firewall dành cho những người sử dụng kết nối vào Internet qua mạng cục bộ. Nếu bạn cài đặt bất kỳ alert nào để Yahoo! Messenger nhận, chúng sẽ tự động xuất hiện khi bạn mở máy.

3. Gửi thông báo

Bây giờ bạn vào Yahoo! Messenger và sẵn sàng gửi một thông báo cho người sử dụng Yahoo! khác. Nếu người đó online và chạy Messenger, thông báo của bạn sẽ hiện trên màn hình của họ. Nếu không thì Yahoo! sẽ lưu thông báo cho tới khi người nhận lần sau mở vào Messenger.

Để gửi một thông báo:

- Nhấp nút Messages và chọn Send Instant Message.
- Trong hộp To, gõ nhập ID Yahoo! của người bạn muốn viết thư cho người đó.
- Nếu bạn có nhiều ID trong Yahoo!, hãy kéo danh sách From xuống và chọn ID mà bạn muốn gửi thông báo.
- Gõ nhập một thông báo và nhấp nút Send.
- Người nhận có thể nhấp vào Reply để mở rộng hộp thông báo, gõ nhập câu trả lời và nhấp Send. Bây giờ một hộp thoại gửi vào xuất hiện trong hộp trên cả hai màn hình. Nếu người nhận chưa nối máy vào Yahoo! Messenger khi bạn gửi thông báo, nó sẽ đến như là một thông báo offline khi người nhận nối máy vào.

Trong khi nói chuyện trên Yahoo! Messenger, bạn có thể sử dụng các nút thanh công cụ phía dưới cửa sổ cuộc đàm thoại để lưu, in và định dạng các thông báo.

Chẳng hạn, nhấp Save để lưu toàn bộ cuộc hội thoại dưới dạng một file text. Sử dụng các nút định dạng text giống như khi bạn thực hiện trong Word.

4. Bổ sung tên vào danh sách Friends

Bằng cách bổ sung ID Yahoo! của người muốn liên lạc vào danh sách Friends, bạn sẽ được báo tự động mỗi khi họ online. Tương tự, một người có thể bổ sung ID của bạn vào danh sách Friends của họ.

Nhấp nút Add ở phía trên Messenger để mở hộp thoại. Nhập ID Yahoo! của người muốn liên lạc, nhập một thông báo mô tả tại sao bạn muốn để tên người đó trong danh sách Friends và nhấp OK. Người nhận có thể trả lời bằng cách nhấp vào một trong những nút

sau:

- Ignore: không gửi câu trả lời.
- Profile: hiển thị profile của người gửi.
- Accept: cho phép được bổ sung vào danh sách Friends của người gửi.
- Accept và Add: cho phép và cũng bổ sung tên người gửi vào danh sách Friends của người nhận.
- Deny: không cho phép.

Khi một người online thì ID của họ xuất hiện dưới dạng chữ in đậm trên danh sách Friends và biểu tượng mặt cười xuất hiện ở bên trái tên.

Để gửi thông báo cho người có tên trong danh sách Friends, bạn nhấp đúp vào ID của họ hoặc nhấp nó và sau đó chọn Send Instant Messages trên danh sách Messages.

Trong khi nói chuyện, bạn có thể sử dụng Menu Options ở phía cuối hộp để xem profile của một người và bổ sung họ vào danh sách Friends của bạn, tạo một cuộc nói chuyện thảo luận hoặc bắt đầu một cuộc nói chuyện có tiếng nói.

5. Tham gia thảo luận đông người

Bạn có thể thực hiện conference chat khi mời nhiều người tham gia vào cuộc đàm thoại Yahoo! Messenger, dù bạn có đang trò chuyện với một người khác hay không. Nếu bạn đang trò chuyện, hãy chọn Conference trên danh sách Options ở phía cuối cửa sổ hộp thoại.

Nếu không hãy chọn Start A Conference trên menu Messenger. Nếu bạn đang trò

chuyện với ai đó thì ID của họ xuất hiện trong Chat Invitation List. Tuy nhiên, bạn có thể xóa tên của họ khỏi Chat Invitation List bằng cách chọn nó và nhấp Remove.

Chọn tên những người bạn muốn mời từ Friend List ở phía bên trái và sau đó nhấp nút Add. Để mời một người chưa có tên trong danh sách, hãy gõ nhập ID của họ trong hộp phía dưới hộp Chat Invitation List và nhấp vào nút Add. Cuối cùng, nhấp nút invite để yêu cầu mọi người tham gia cuộc thảo luận.

6. Tham gia voice chat

Nếu có micro và loa, bạn có thể nói và nghe những người cũng có micro và loa trên máy tính của họ. Cách nói và nghe theo như thế này gọi là voice chat (trò chuyện có tiếng nói). Để bắt đầu voice chat, hãy sử dụng một trong 2 kỹ thuật sau:

- Kéo menu Options ở phía cuối cửa sổ đàm thoại và chọn Voice Chat.
- Chọn Start A Voice Chat trên menu Messenger.

- Hộp thoại Invite Friends To Voice Chat xuất hiện. Nó rất giống hộp thoại Invite Friends To A Conference như trình bày ở phần trước. Chỉ định ID Yahoo! của người bạn muốn nói chuyện và sau đó nhấp Invite để mở cửa sổ Voice Chat. Bạn vẫn có thể viết và đọc những thông báo như khi đàm thoại Messenger chuẩn cũng như có thể nói và nghe những người tham gia khác.
- Bạn hãy nhấp và giữ nút Talk khi bạn nói vào micro. Khi bạn nói xong, hãy thả con chuột để người khác có thể trả lời. Khi người khác trả lời thì ID của họ xuất hiện cùng với cấp độ volume thu tiếng.
- Nếu không muốn giữ nút Talk trong khi nói, bạn hãy nhấp nút Free Hands. Hãy nhớ rằng những người khác sẽ nghe mọi điều bạn nói gần micro sau khi nút đó được nhấp vào.
- Bạn có thể sử dụng bộ điều khiển trượt kế bên nút Free Hands để điều khiển volume của micro. Sử dụng nút Mute để tắt loa và điều khiển volume của loa. Thậm chí trong Voice Chat, bạn có thể gõ nhập các thông báo nếu bạn không hài lòng với chất lượng âm thanh.

7. Nhận thông báo offline

Khi ai đó gửi cho bạn một thông báo khi bạn không online hoặc không nối máy vào Yahoo! Messenger, Yahoo! sẽ lưu các thông báo cho bạn. Khi bạn online, hộp thông báo Offline xuất hiện. Chọn một thông báo bạn muốn trả lời và nhấp nút Reply. Nếu không, bạn có thể nhấn Delete.

8. Dò tìm những người bạn

Bạn phải có ID Yahoo! của một người để gửi cho họ một Toolbar hoặc mời họ tham gia cuộc thảo luận. Nếu bạn không biết ID của một người, bạn có

Bài giảng Internet

thể tìm kiếm nó bằng cách sử dụng đặc tính Search For Friends. Dưới đây là cách sử dụng:

- Nhấp Add để mở hộp thoại Add.
- Nhấp Search For Friends để mở hộp thoại.
- Chọn hạng mục bạn muốn sử dụng trong phần dò tìm của bạn: Name, Keyword, hoặc
- Yahoo! ID.
- Gõ nhập Text để dò tìm trong hộp Contains.
- Chọn một tùy thuộc từ danh sách phù hợp Gender: Female, Male, hoặc No
- Preference
- Gõ nhập độ tuổi tùy ý, với các giá trị thấp và cao theo yêu cầu.
- Chọn nếu bạn muốn dò tìm chỉ những profile có hình ảnh.
- Nhấp nút Search.

Danh sách những người phù hợp với tiêu chuẩn dò tìm của bạn xuất hiện.

Bạn có thể bổ sung bất kỳ ai vào danh sách Friends của bạn.

9. Tạo nhóm

Theo mặc định, danh sách Friends của bạn bao gồm một nhóm gọi là Friends. Thay vì tập hợp mọi người lại với những người bạn muốn liên lạc thông tin trong một thư mục, bạn có thể sắp xếp những người tiếp xúc Yahoo! Messenger của bạn thành nhóm. Bạn có thể muốn một nhóm cho bạn bè và một nhóm khác cho những người làm ăn kinh doanh. Để tạo một nhóm, hãy thực hiện theo những bước sau:

- Chọn Edit từ cửa sổ Messenger và sau đó nhấp Group.
- Trong hộp vừa xuất hiện, hãy gõ nhập tên nhóm mới.

- Nhấp Create A New Group để mở một hộp thoại.
- Gõ nhập ID Yahoo! của người bạn muốn bổ sung vào nhóm.
- Gõ nhập thông báo để mời người đó tham gia vào nhóm.
- Chọn ID của bạn từ danh sách kéo xuống.
- Nhấp Add A Friends để mời người đó tham gia vào danh sách, và sau đó hoặc xoá trắng các hộp để bạn có thể mời một người khác hoặc nhấp Finish khi bạn đã hoàn thành việc mời những thành viên khác.

10. Thay đổi trạng thái của bạn

Một người online không có nghĩa là họ đã tham gia vào cuộc nói chuyện Yahoo!

Messenger. Chẳng hạn, họ có thể bận rộn viết e-mail hoặc dò qua Internet và không muốn bị quấy rầy bởi các thông báo gấp.

Bạn có thể thay đổi trạng thái online của bạn bằng cách kéo danh sách Status xuống và chọn từ những tùy chọn hiện ra. Ngoài ra, một thông báo Idle đặc biệt xuất hiện khi bạn không sử dụng máy tính khoảng vài phút. Bạn có thể chỉ định thời gian không sử dụng trong hộp Preferences.

Nếu bạn cho rằng không có thông báo tình trạng nào phù hợp, bạn có thể tạo thông báo tình trạng riêng của bạn. Hãy chọn New Status Messenger từ danh sách Status để mở hộp thoại. Gõ nhập thông báo bạn muốn xuất hiện, chọn xem bạn có muốn hiển thị biểu tượng Busy và sau đó nhấp OK.

11. Mời bạn bè đăng ký Yahoo!

Yahoo! Messenger là một cách tuyệt vời để liên lạc với bạn bè. Thực ra, cuộc nói chuyện có tiếng nói giống như cuộc gọi điện thoại đường dài miễn phí. Nếu muốn nói chuyện với những người không phải là thành viên của

Bài giảng Internet

Yahoo!, bạn có thể gửi cho họ một thư mời tham gia Yahoo! để họ có thể bắt đầu với Yahoo! Messenger. Thực hiện theo những bước sau:

- Nhấp nút Messenger trên Yahoo! Messenger và chọn Invite A Friends To Sign Up để
- mở một trang.
- Gõ nhập địa chỉ e-mail bạn của bạn.
- Chọn ID Yahoo! bạn muốn sử dụng để viết giấy mời.
- Gõ nhập tên thực của bạn (tùy ý)
- Gõ nhập thông báo mời bạn của bạn tham gia (tùy ý).
- Nhấp Invite Friend.

12. Gửi file

Trong khi online với Yahoo! Messenger, bạn có thể gửi và nhận file từ bạn bè của bạn. File mà bạn gửi được lưu trên máy tính Yahoo! cho tới khi người nhận tải nó vào máy tính của họ. Để tránh việc tải file bị nhiễm virus, chỉ mở các file được gửi đến cho bạn từ nguồn tin cậy.

Để gửi file qua Yahoo! Messenger, hãy thực hiện những bước sau:

- Nếu người đó được liệt kê trong danh sách Friends của bạn, hãy nhấp tên của bạn.
- Chọn Send A File/Attachment từ menu Messenger để mở hộp thoại.
- Nếu bạn chọn một tên từ danh sách Friends thì ID của họ đã có trong hộp To. Nếu
- không, hãy gõ nhập ID của người bạn muốn gửi file.
- Hãy gõ nhập đường dẫn và tên file trong hộp File To Send, hoặc nhấp Browse và xác
- định trên đĩa của bạn.

- 5. Gõ nhập một thông báo gắn gọn đi kèm theo file đó.
- Nhấp Send. Hộp Sending File xuất hiện. Sau khi file được chuyển xong, bạn sẽ nhìn thấy một thông báo xác nhận. Nhấp OK để đóng hộp thông báo. Nếu người nhận online thì họ sẽ nhận được thông báo. Họ có thể tải file ngay hoặc lưu thông báo về file đính kèm như là thông báo offline để truy cập sau. Nếu người nhận offline thì thông báo sẽ xuất hiện khi người nhận vào Yahoo! Messenger.